

Bài 2

LÝ THUYẾT VỀ CẦU + NTD

cuu duong than cong. com

I. CẦU VÀ CƠ GIẪN

1. Các nhân tố ảnh hưởng

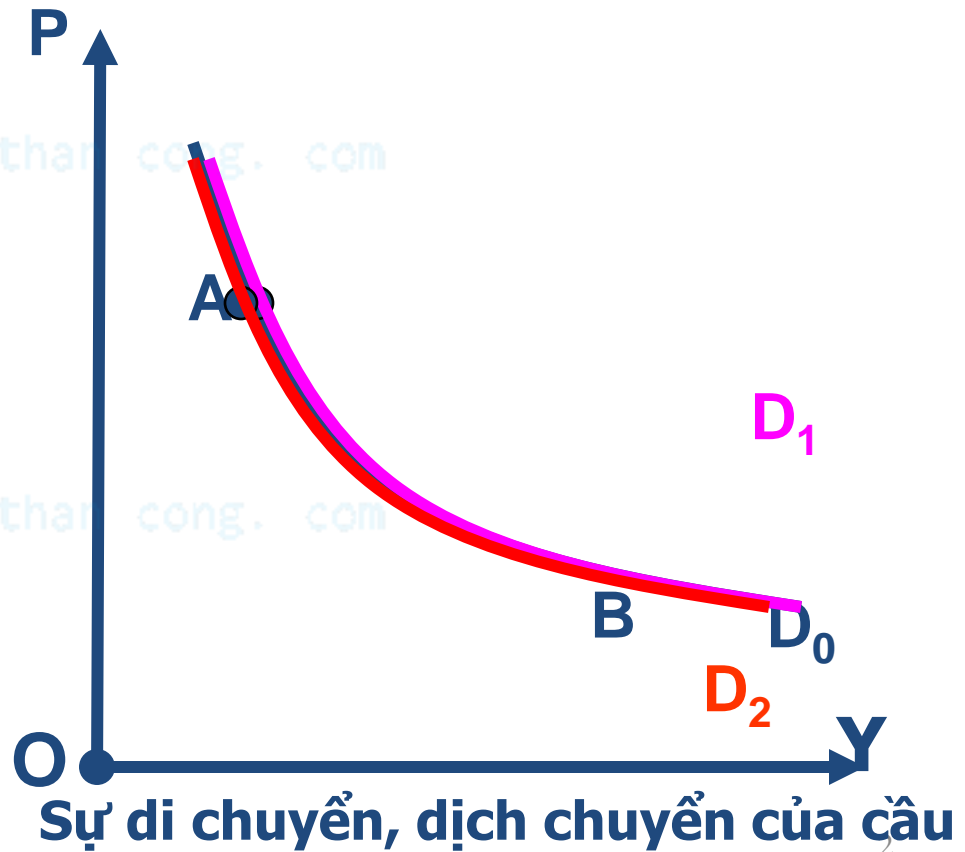
- Sự di chuyển dọc theo đường cầu
- Sự dịch chuyển đường cầu

*.Nhân tố truyền thống



*.Nhân tố khác

- r
- Tín dụng
- Quảng cáo....



2. Sự co giãn của cầu

a. Hệ số co giãn của cầu theo giá (E_D)

- Khi P thay đổi đủ lớn $\rightarrow E_D$ đoạn
 - Khi P thay đổi nhỏ $\rightarrow E_D$ điểm
 - Các nhân tố ảnh hưởng E_D
 - + Sự sẵn có của hh thay thế
 - + Bản chất nhu cầu mà hh thỏa mãn
- \rightarrow Hàng hóa xa xỉ
- + Thời gian: L cầu giãn hơn S.
 - + Tỷ lệ thu nhập dành cho hh

b. E_I và E_{ab} .

c. Ý nghĩa hệ số co giãn E .

- E_D , P & TR

- Mqh của E với chính sách hối đoái:

$$E_D^P(EX) + E_D^P(IM) > 1$$

- Mqh của E với CS đầu tư và CS thương mại:

+ Quan tâm đến hh thiết yếu có E_D nhỏ.

+ Từ giá trị $E_I \rightarrow$ CS đầu tư liên quan đến CCKT phải phù hợp.

- Dùng E để dự báo cầu.

cuu duong than cong. com

3. Phúc lợi xã hội

a. Tổng phúc lợi xã hội (TSB) = S_{ABQ^*0}

b. CS

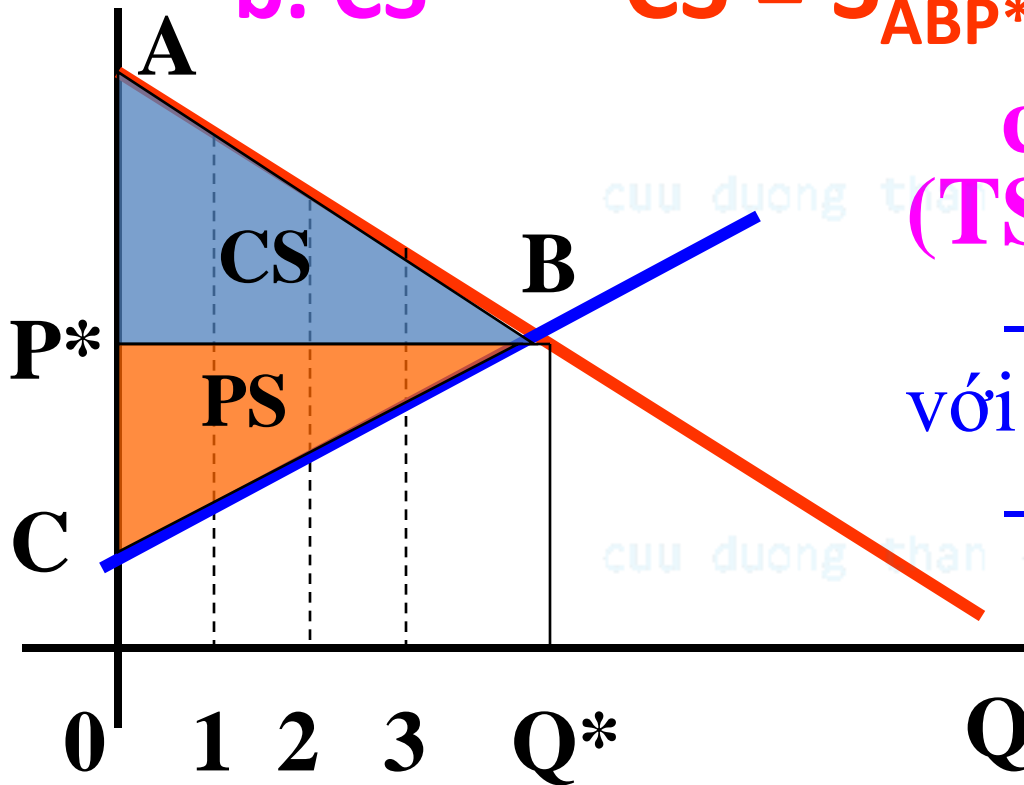
$$CS = S_{ABP^*} = TSB - S_{P^*BQ^*0}$$

c. Chi phí cơ hội XH (TSC)

- KN về CF cơ hội đối với việc SX 1 đv sp biên.

- KN về CF cơ hội XH

$$TSC = S_{CBQ^*0}$$



$$d. PS = S_{P^*BC} = S_{P^*BQ^*0} - S_{TSC}$$

e. Phúc lợi xã hội ròng (NSB)

- *Khái niệm*

$$\text{NSB} = \text{TSB} - \text{TSC} = \text{CS} + \text{PS}$$

- *Ý nghĩa:* Để kiểm tra hiệu quả của CS: làm tăng hay giảm NSB.

Ví dụ: $P_{\text{sản}}$, $P_{\text{trần}}$, thuế, hạn ngạch

cuu duong than cong. com

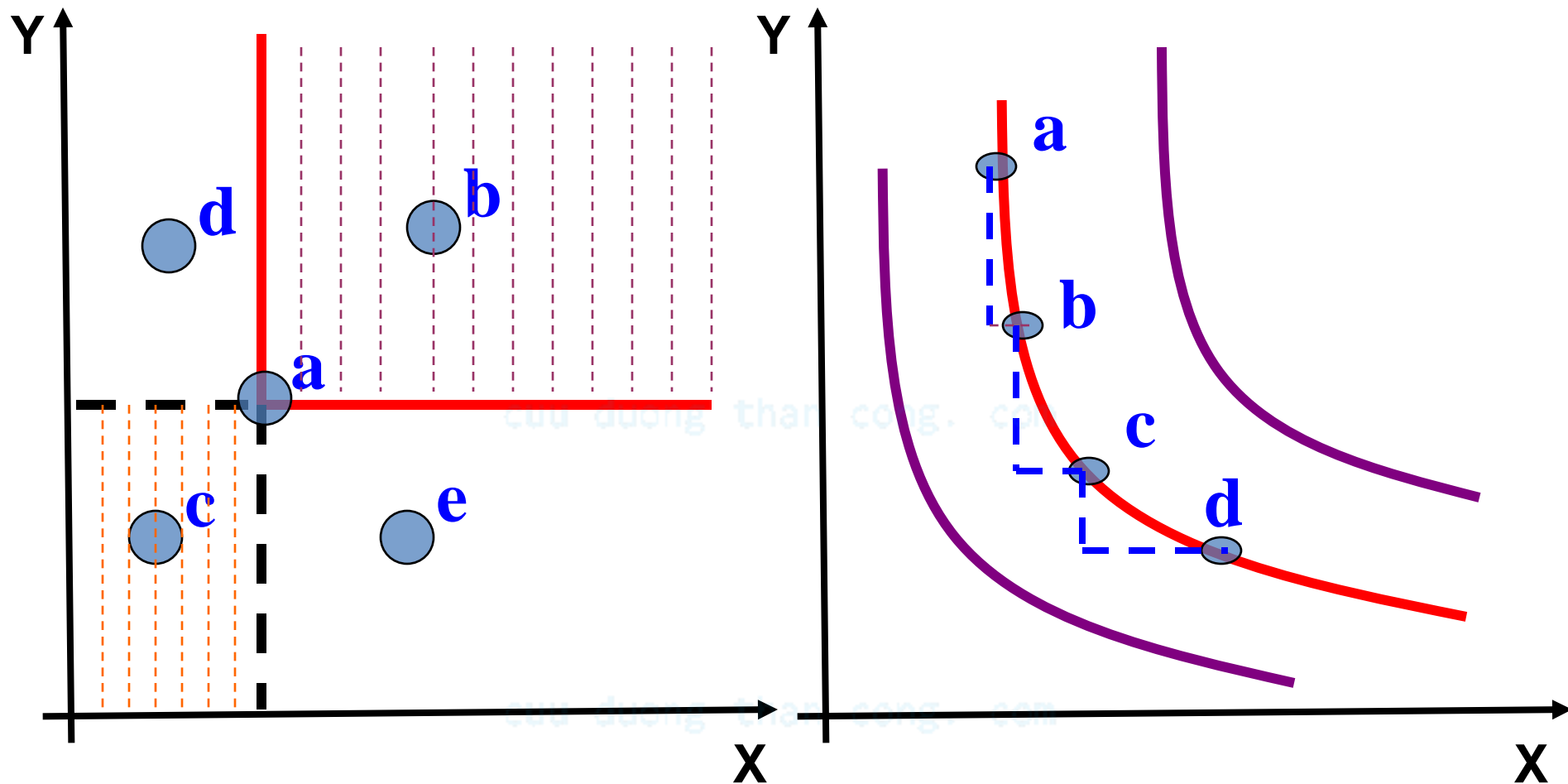
II. LÝ THUYẾT HÀNH VI NTD

1. Lý thuyết cơ bản về h/vi NTD ở VMI

*a. Dựa trên các giả định:

- **Tính hợp lý của NTD:** Với I hạn chế, P sẵn có trên TT những NTD có mục tiêu TU $\rightarrow \max$.
- **Lý thuyết lợi ích so sánh được (Lý thuyết bàng quan, ngân sách):** *Giả định*
 - Tính hợp lý của NTD.
 - Lợi ích có thể so sánh được, đo được.
 - MRS giảm dần ($MRS < 0$) \rightarrow (U) cong xuống.
 - $TU = f(X, Y, Z...)$
 - Tính nhất quán và bắc cầu của lựa chọn.

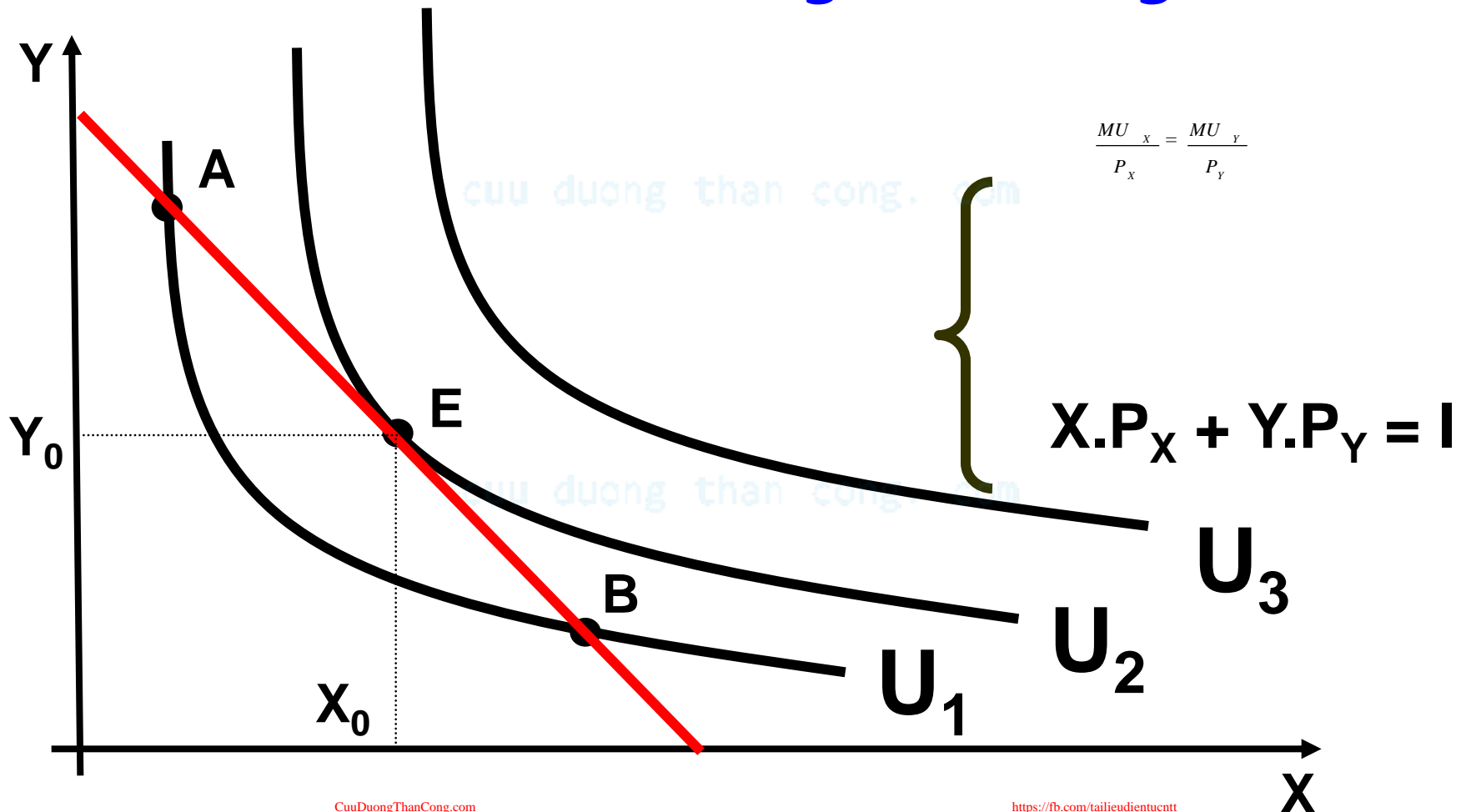
- Thị hiếu của NTD:



b. Cân bằng tiêu dùng bằng hình học

- Đường bàng quan
- Đường ngân sách

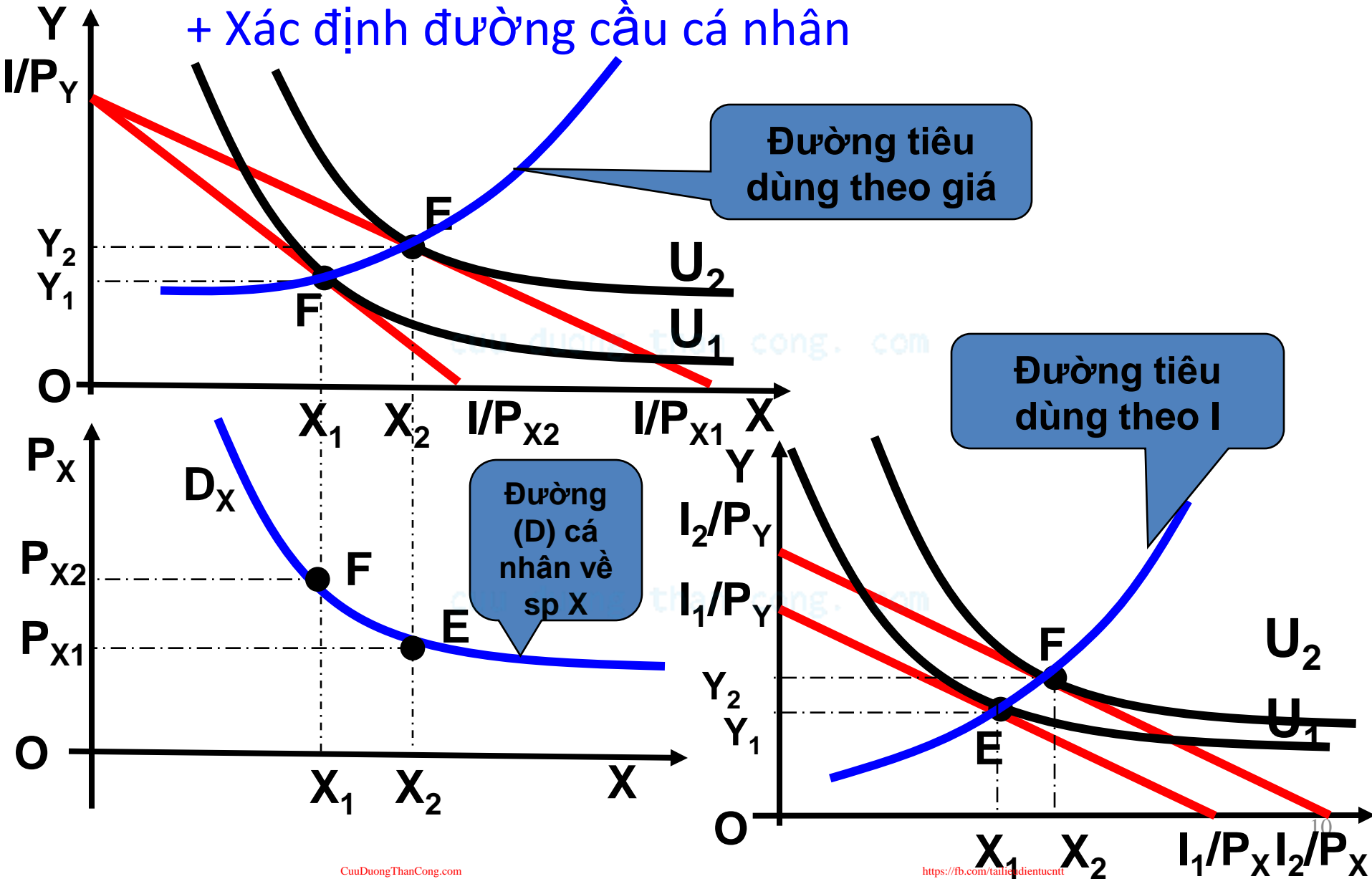
→ *Cân bằng tiêu dùng*



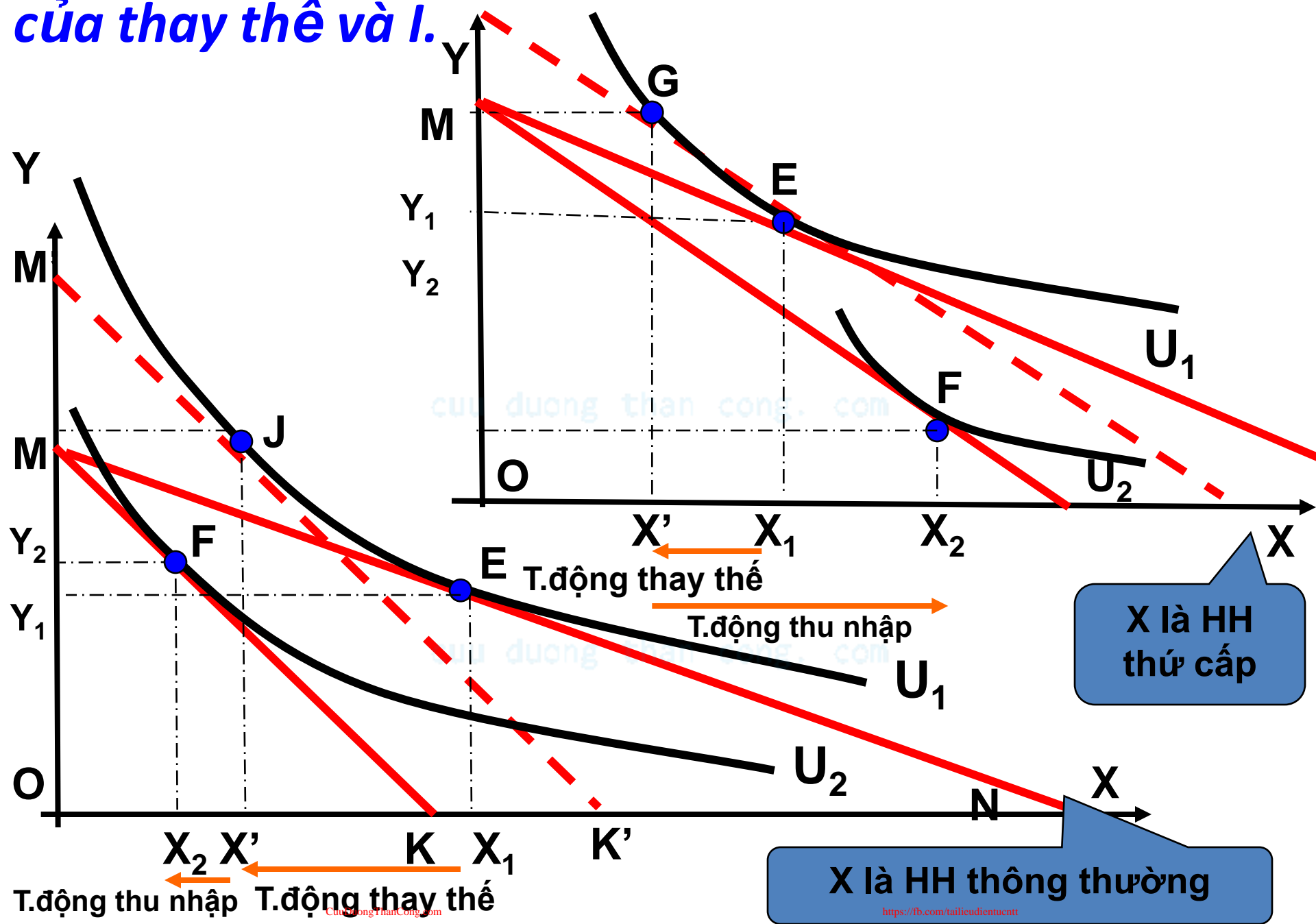
c. Xác định (D) bằng đường cong bàng quan

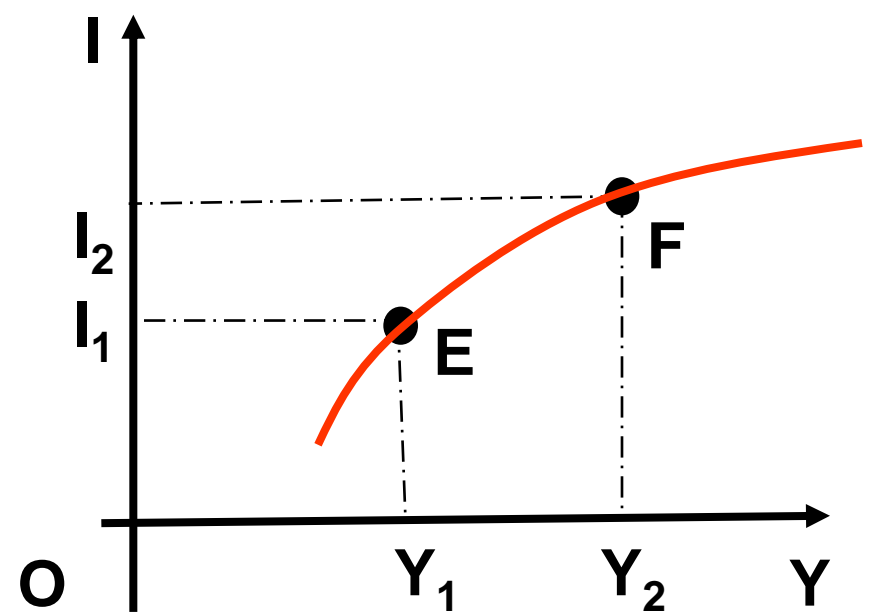
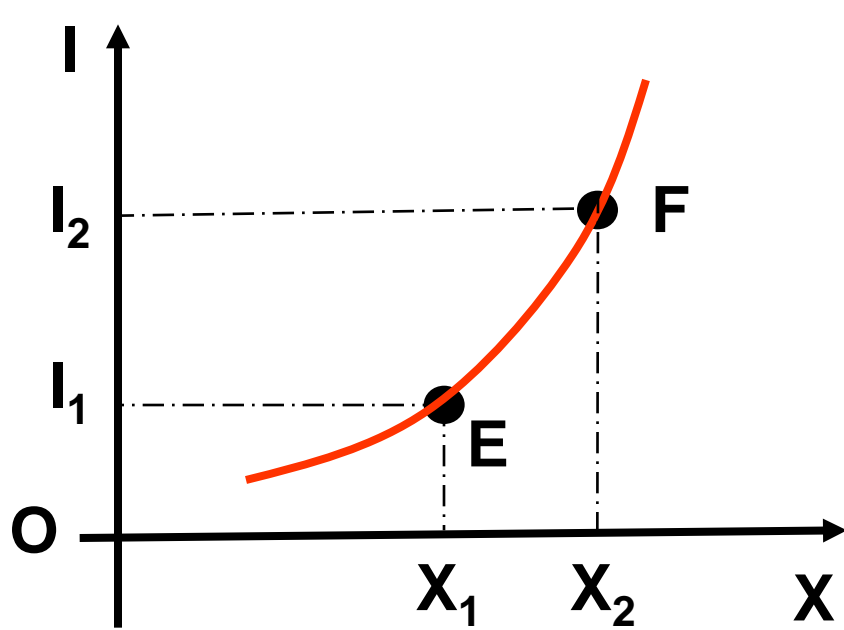
+ Xác định đường tiêu dùng – giá cả.

+ Xác định đường cầu cá nhân



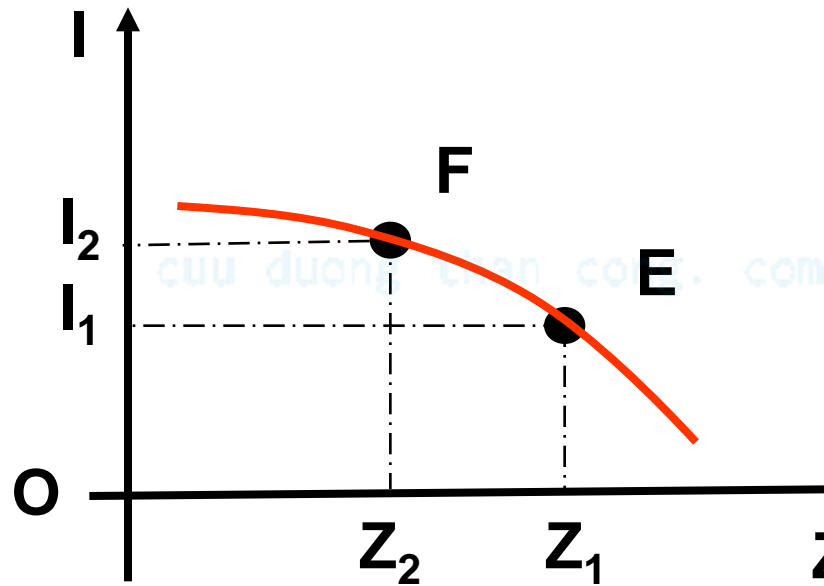
d. Bản chất hh xem xét qua p/tích ảnh hưởng của thay thế và I.





X là sản phẩm thiết yếu

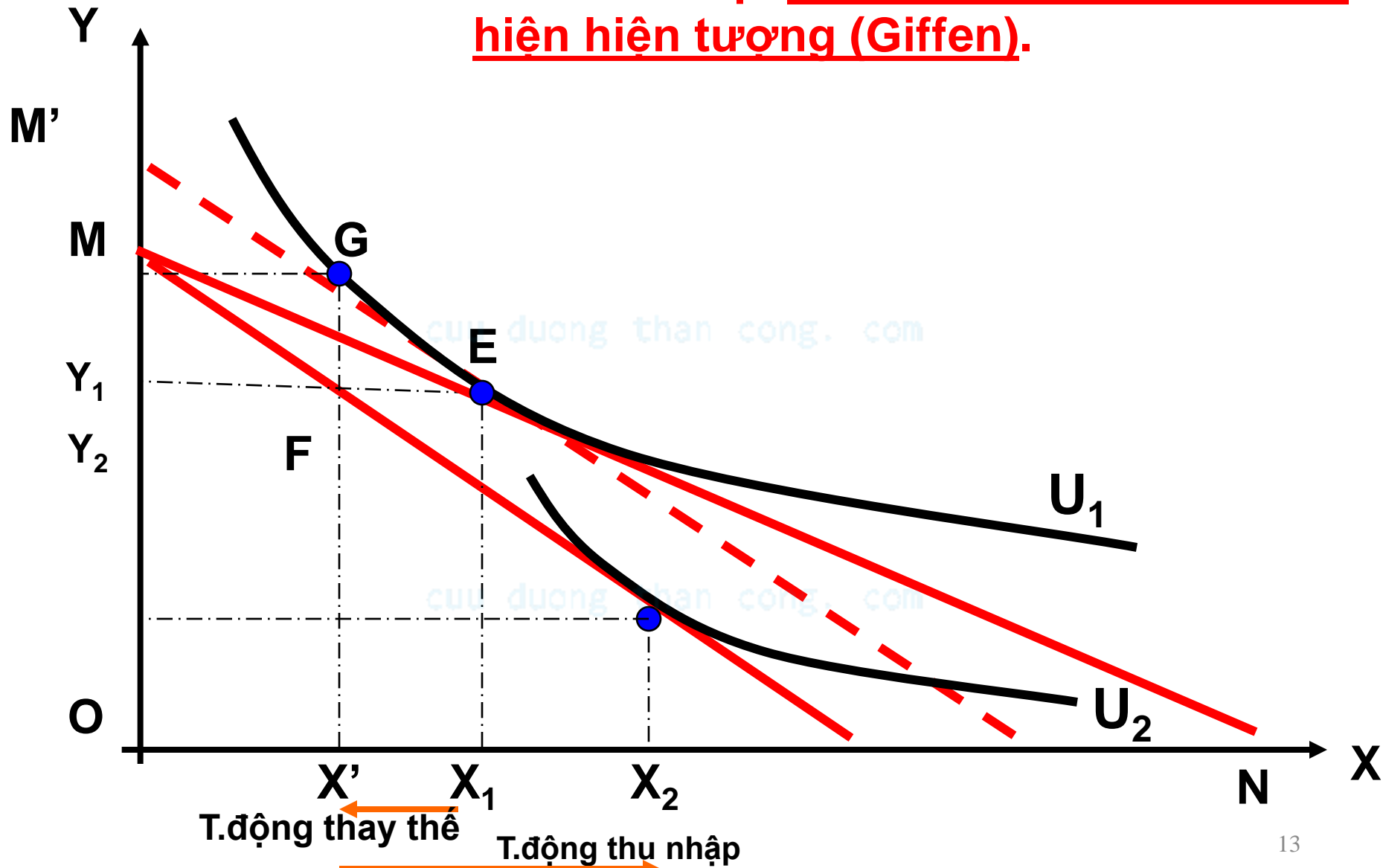
Y là sản phẩm cao cấp



Z là sản phẩm cấp thấp

e. Đường Engel:
phản ánh mối quan hệ giữa sự thay đổi lượng cầu sản phẩm với sự thay đổi thu nhập (các yếu tố khác không đổi)

Nếu X là sp thứ cấp sẽ có thể xuất hiện hiện tượng (Giffen).



f. Những hạn chế trong giả định khi nghiên cứu trong Vi mô I

- Lợi ích là đo được (lợi ích định lượng) là không sát thực, vì lợi ích chỉ là một khái niệm chủ quan.
- Lợi ích đo bằng tiền
- Quy luật MU giảm dần chỉ là một hiện tượng tâm lý

2. Lý thuyết cơ bản về h/vi NTD ở VM II

a. Cân bằng tiêu dùng bằng đại số

*. Điều kiện tối đa hóa lợi ích:

$$\text{Max } U(X,Y)$$

$$\text{Với đk } P_X \cdot X + P_Y \cdot Y = I$$

$$\left\{ \begin{array}{l} \frac{MU_X}{P_X} = \frac{MU_Y}{P_Y} \\ X \cdot P_X + Y \cdot P_Y = I \end{array} \right.$$

**. CM bằng ph. pháp nhân tử Lagrange

$$\& = \frac{MU_X}{P_X} = \frac{MU_Y}{P_Y}$$

Độ dốc (U)

$$MU_X / MU_Y = - dY/dX = MRS_{xy}$$

***. Lợi ích cận biên của I:

Khái niệm

$$\text{Lợi ích cận biên of } I = \frac{dU}{dI} = \frac{\Delta U}{\Delta I} = \&$$

Ý nghĩa

Ví dụ 1:

Cho hàm: $\text{Max } U(X, Y) = a \log(X) + (1-a) \log(Y)$

$$P_X X + P_Y Y = I$$

Tìm hàm cầu sp X, Y bằng p.pháp nhân tử

Hàm nhân tử dạng:

$$L(X, Y, \lambda) = a \log(X) + (1-a) \log(Y) + \lambda (P_X X + P_Y Y - I)$$

λ

Hàm cầu X dạng:

$$X = (a/P_X)I$$

Hàm cầu Y dạng:

$$Y = [(1-a)/P_Y]I$$

& có dạng:

$$\lambda = 1 / I$$

→ Cầu hh chỉ phụ thuộc vào P và I

****. Tính đối ngẫu của tiêu dùng:

$\text{Min}(P_X X + P_Y Y)$ với đk $U(X, Y) = U^*$

CM bằng ph. pháp nhân tử Lagrange

$$\left\{ \begin{aligned} \frac{P_X}{MU_X} &= \frac{P_Y}{MU_Y} \\ X \cdot P_X + Y \cdot P_Y &= I \end{aligned} \right.$$

$$\rightarrow MU_X / MU_Y = MRS_{XY}$$

Ví dụ: Cho hàm: Min $U(P_X X + P_Y Y)$

$$U(X, Y) = X^a Y^{1-a} = U^*$$

Tìm hàm cầu sp X, Y bằng p.pháp nhân tử

Hàm cầu X dạng:

$$X = (a/P_X)I$$

Hàm cầu Y dạng:

$$Y = [(1-a)/P_X]I$$

& có dạng:

$$\& = I/U^*$$

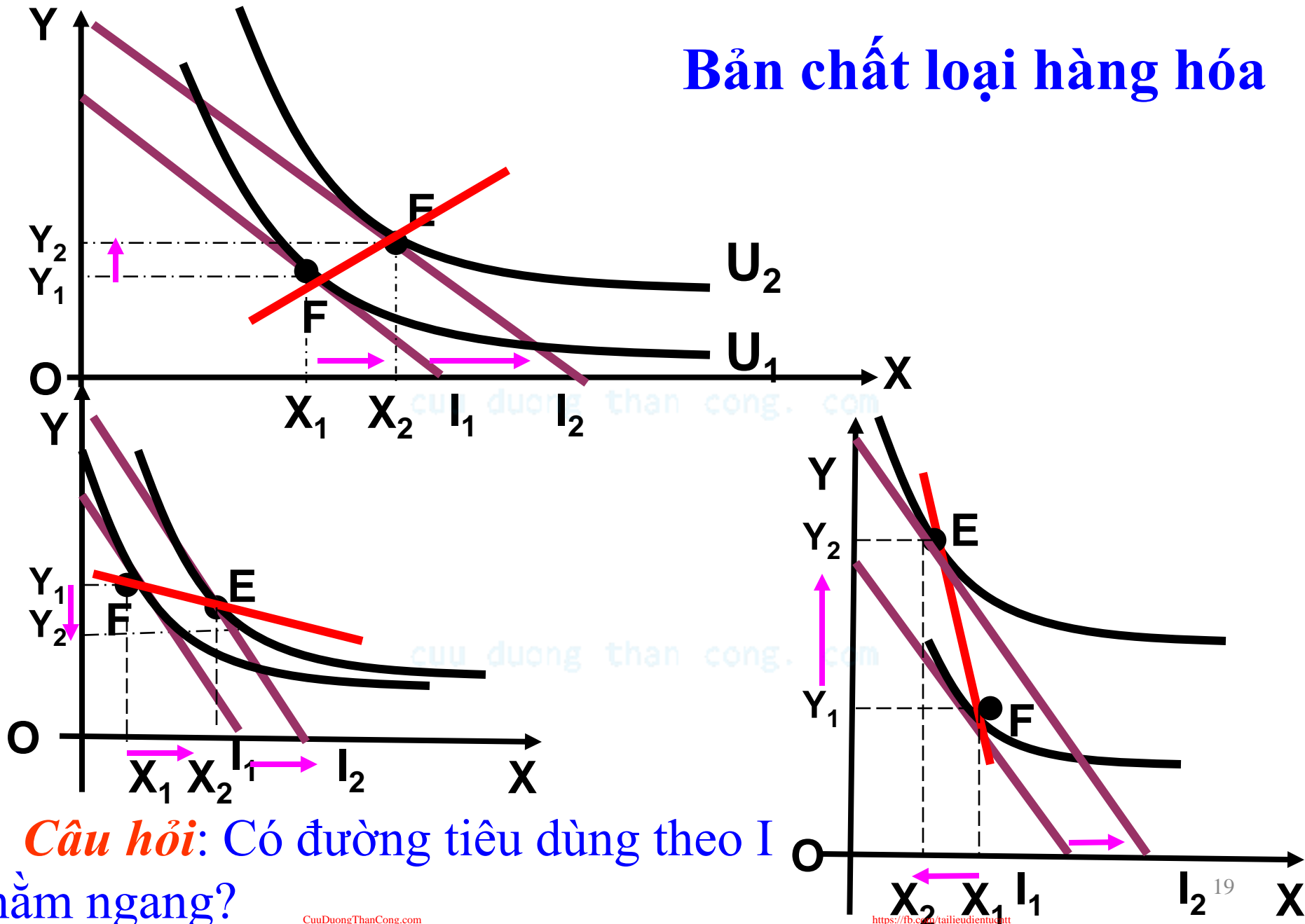
Hàm nhân tử dạng:

$$L(X, Y, \&) = X.P_X + Y.P_Y - \&.[X^a Y^{1-a} - U^*]$$

$$\rightarrow X = (a/P_X)I \text{ và } Y = [(1-a)/P_X]I \text{ và } \& = I/U^*$$

b. Đường tiêu dùng theo thu nhập mở rộng VM II

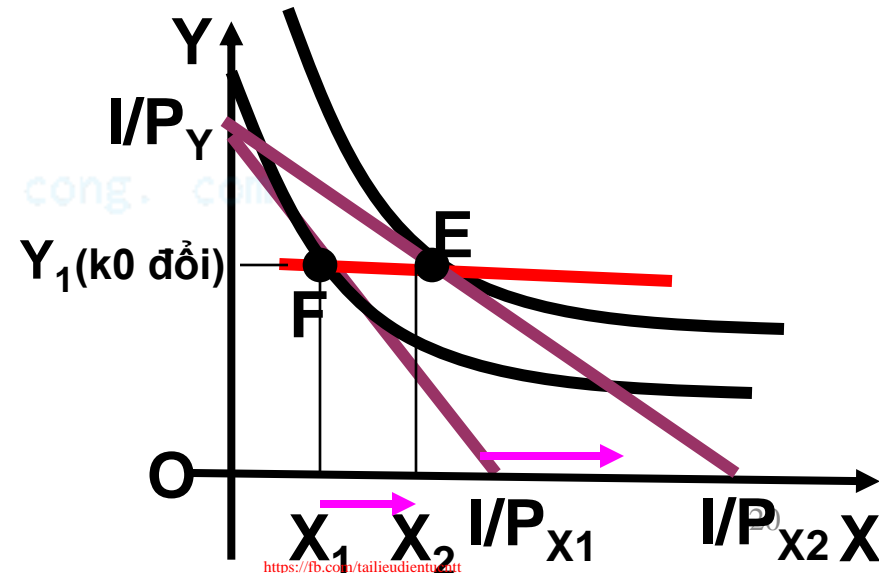
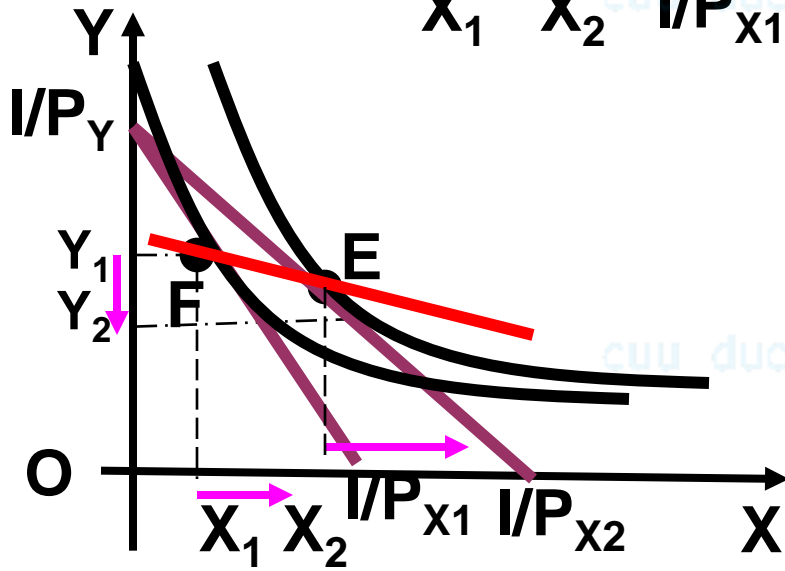
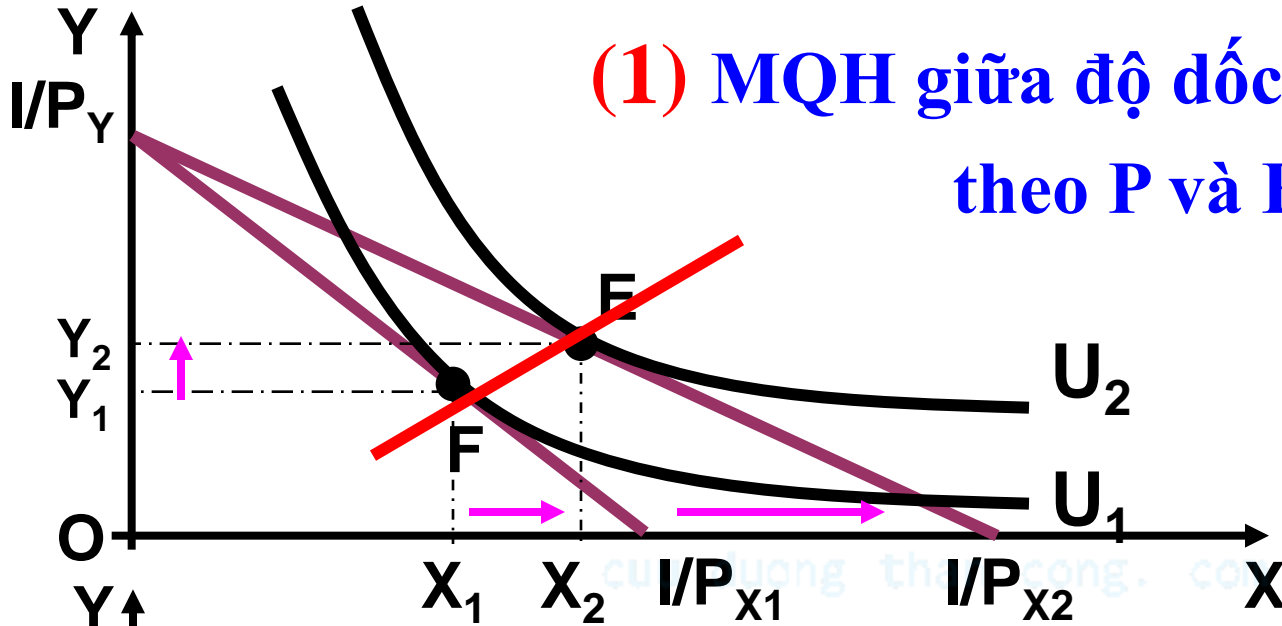
Bản chất loại hàng hóa



Câu hỏi: Có đường tiêu dùng theo I nằm ngang?

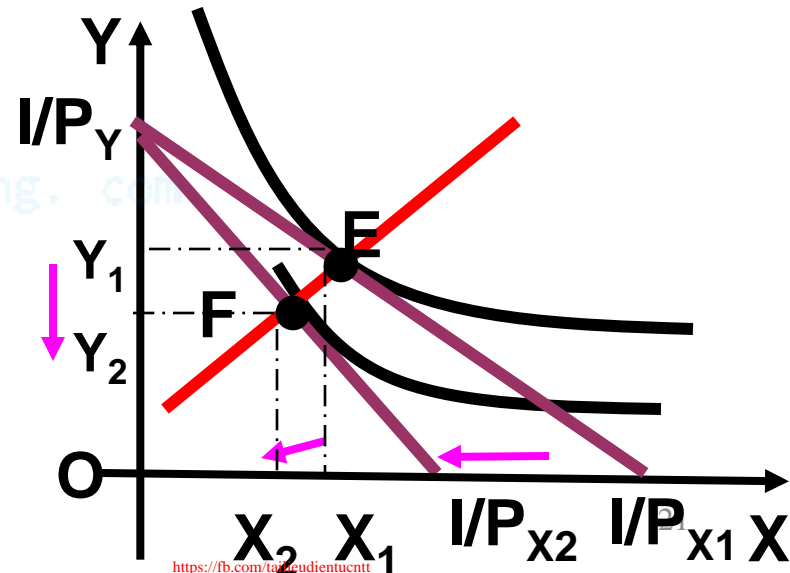
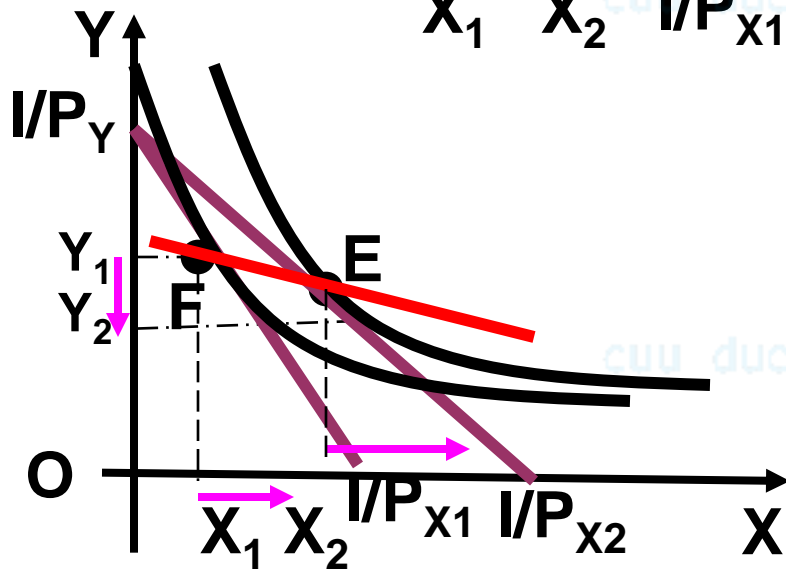
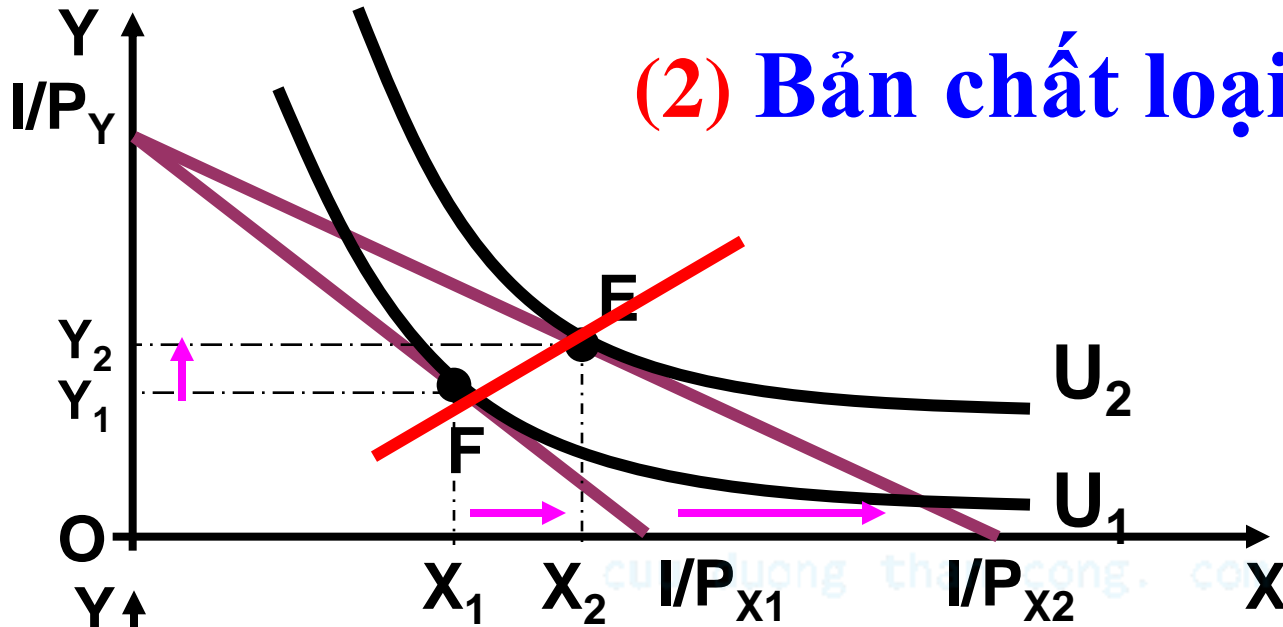
c. Đường tiêu dùng theo giá mở rộng VM II

(1) MQH giữa độ dốc của đường t/dùng theo P và E_d của cầu

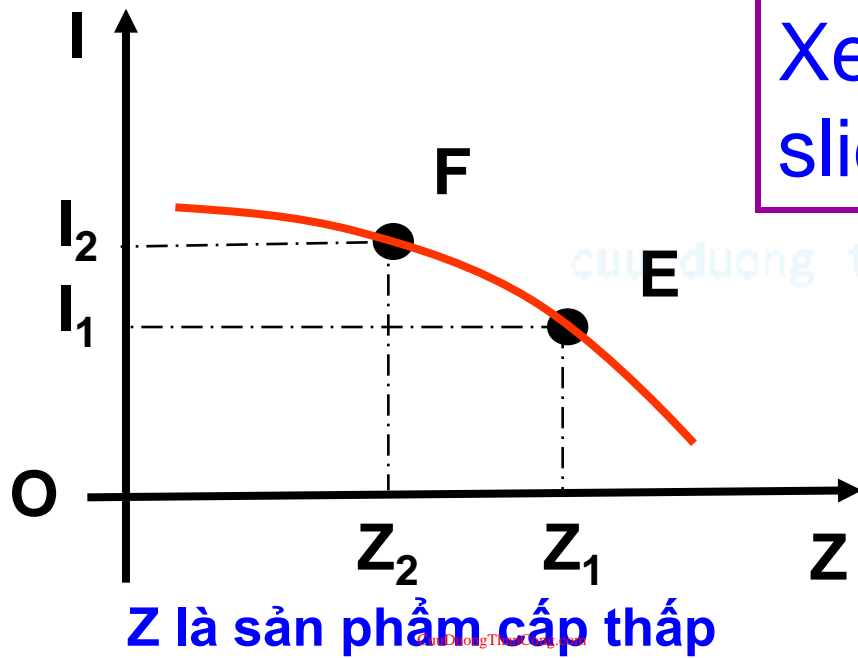
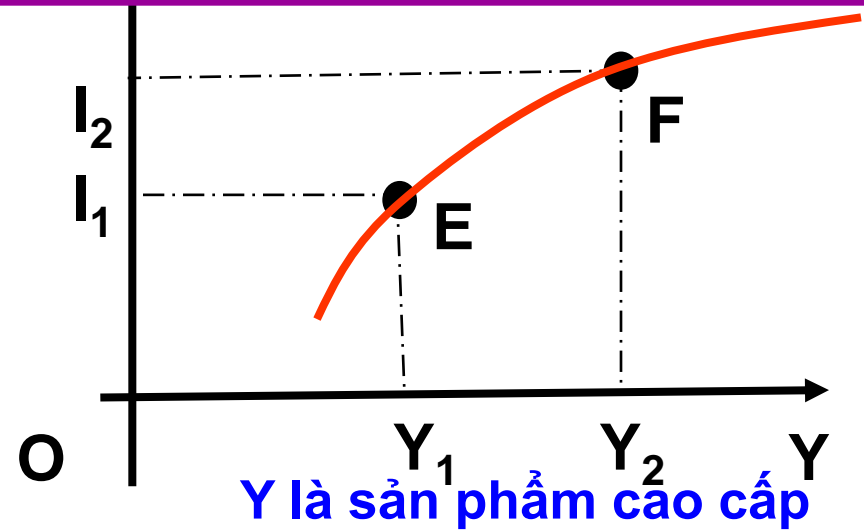
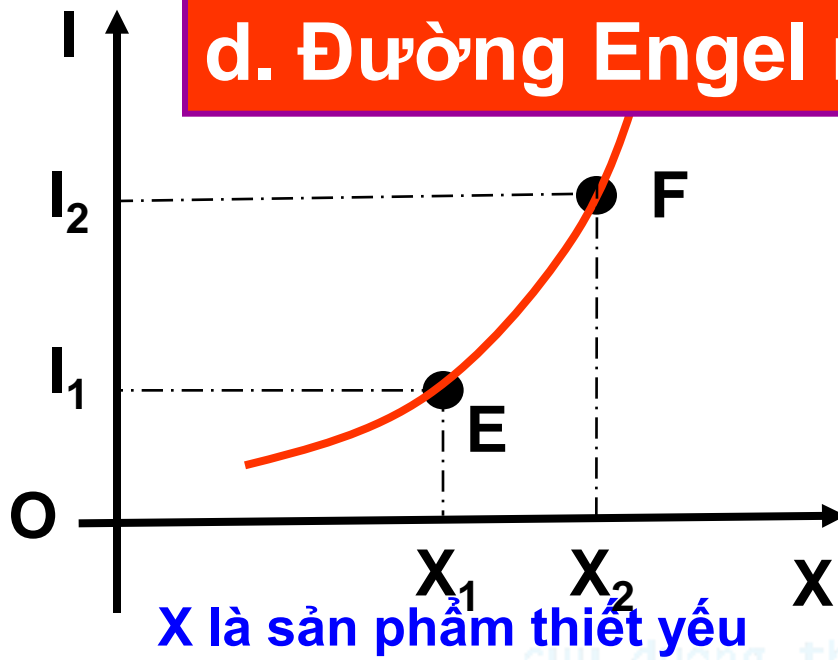


c. Đường tiêu dùng theo giá mở rộng VM II

(2) Bản chất loại hàng hóa



d. Đường Engel mở rộng Vi mô II:



Xem phân tích mở rộng ở slide sau:

Các khái niệm:

- *Khuyneh hướng tiêu dùng cận biên = dX/dI*
- *Khuyneh hướng tiêu dùng trung bình = X/I*
- *Co giãn theo thu nhập về cầu hh:*
- *E_I = Khuyneh hướng t/d cận biên / khuyneh hướng t/d trung bình = $(dX/dI) / (X/I)$*
- Lưu ý:
 - + H.hóa cấp thấp: dX/dI = kh/hướng t/d biên âm $\rightarrow E_I < 0$
 - + $0 < E_I < 1$: kh/hướng t/biên < kh/hướng t/d trung bình.
 - + $E_I > 0$: kh/hướng t/biên < kh/hướng t/d trung bình.

e. Co giãn chéo mở rộng vi mô II:

$$E_{ab} = (dQ^a/Q^a) / (dP^b/P^b) = (dA/A) / (dP_b/P_b)$$

B₁: Ràng buộc: $I = AP_a + BP_b$ lấy vi phân toàn phần:

$$dI = AdP_a + P_a dA + BdP_b + P_b dB \quad (1)$$

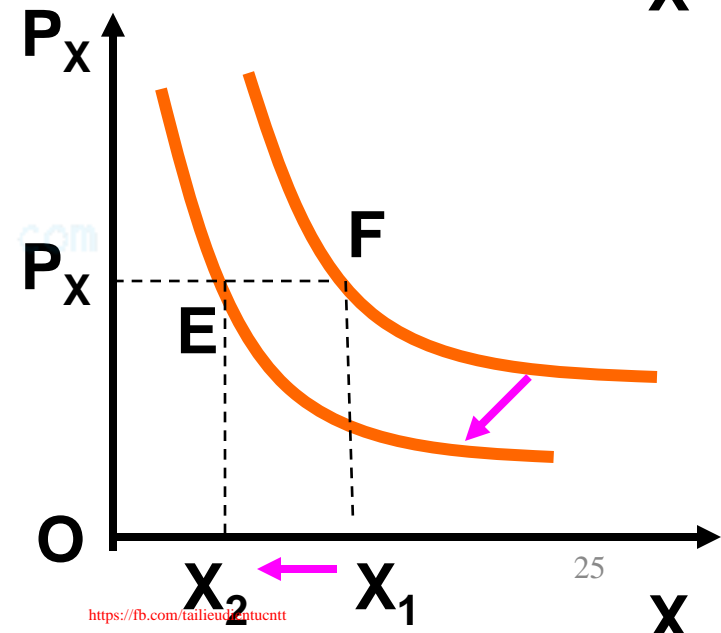
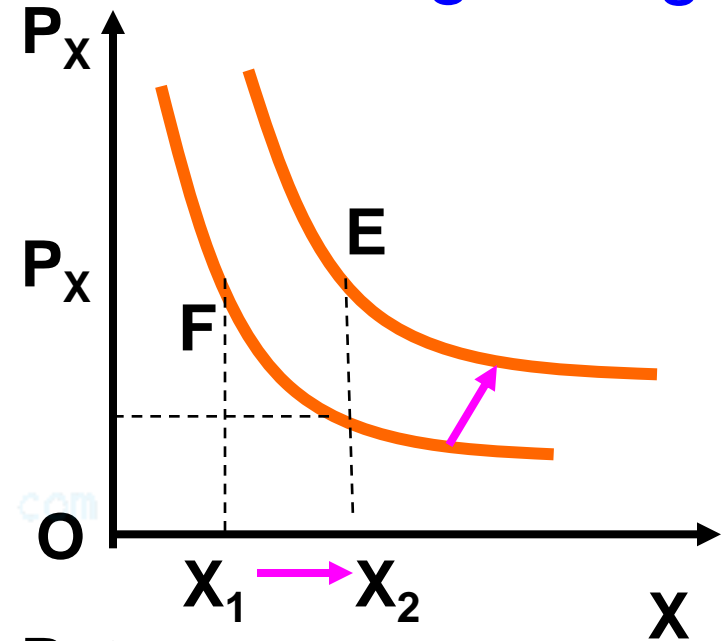
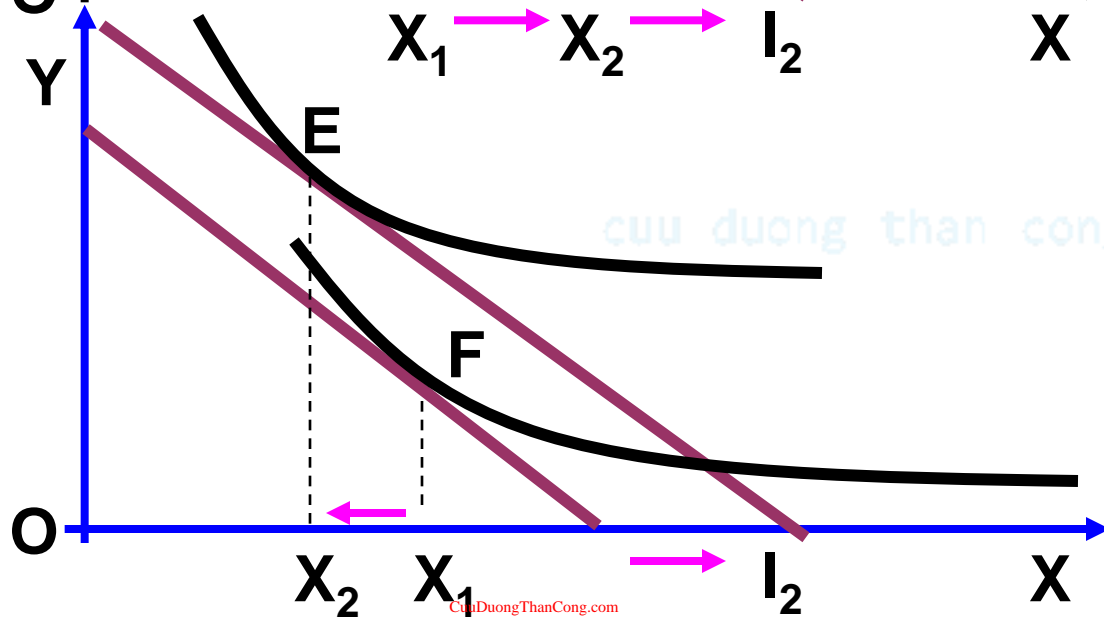
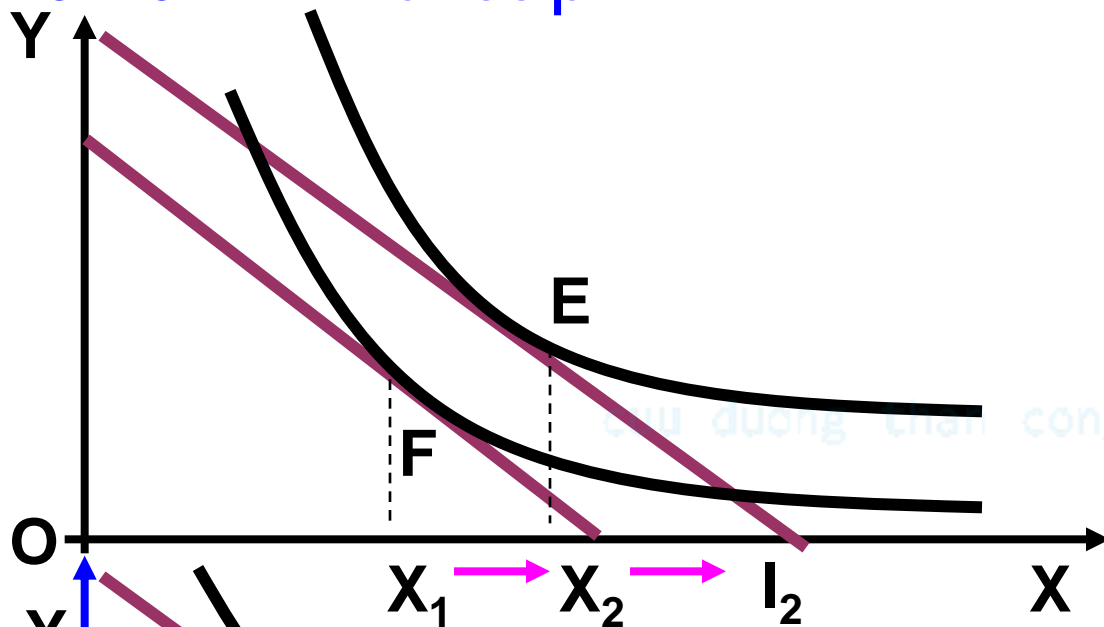
B₂: Giả định I, P_b không đổi $\rightarrow dI = dP_b = 0$ và nhân ptr (1) với $P_a/I dP_a$ ta được:

$$(P_a A/I) + (dA/A)(P_a/dP_a)(P_a A/I) + (dB/B)(P_a/dP_a)(P_b B/I) = 0$$

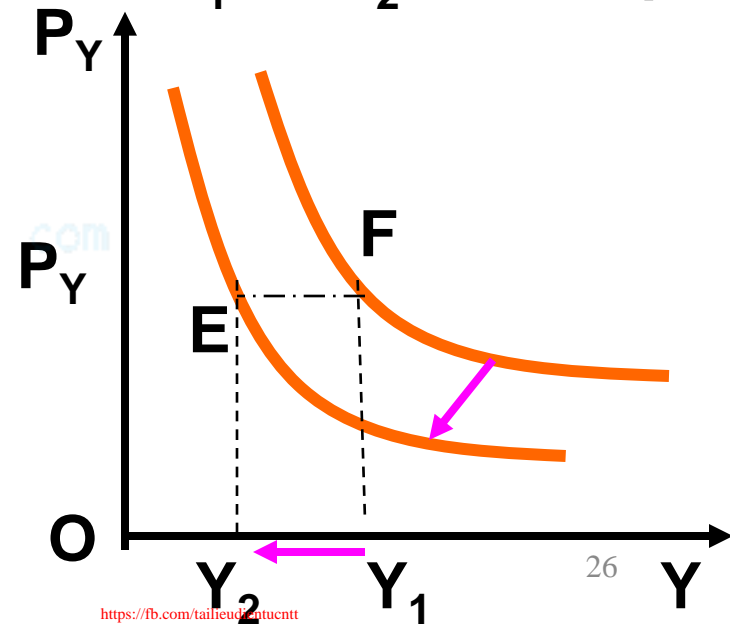
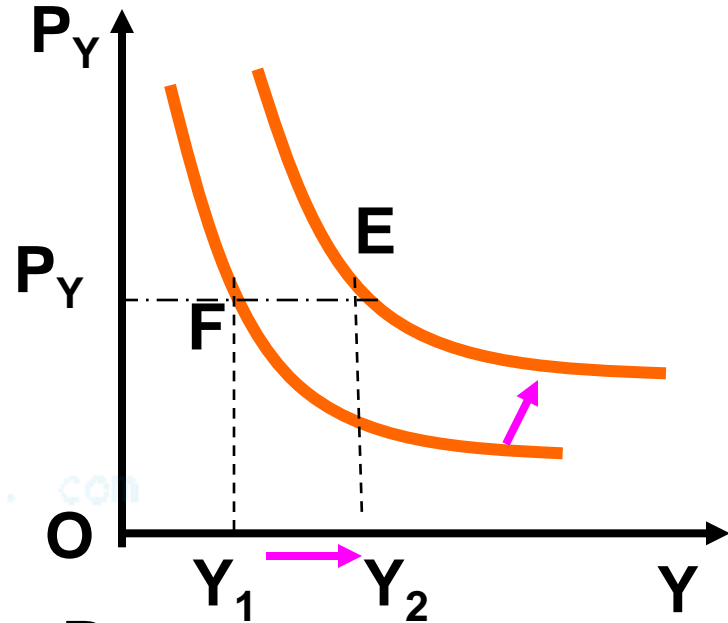
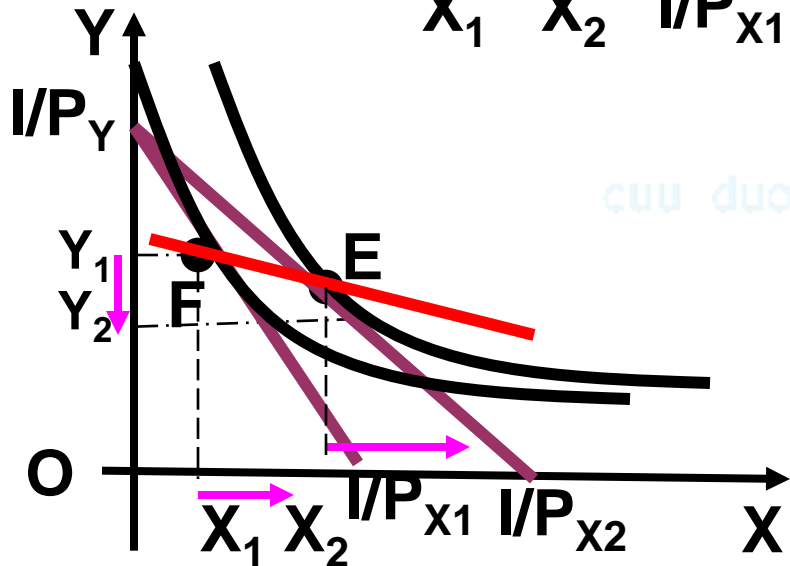
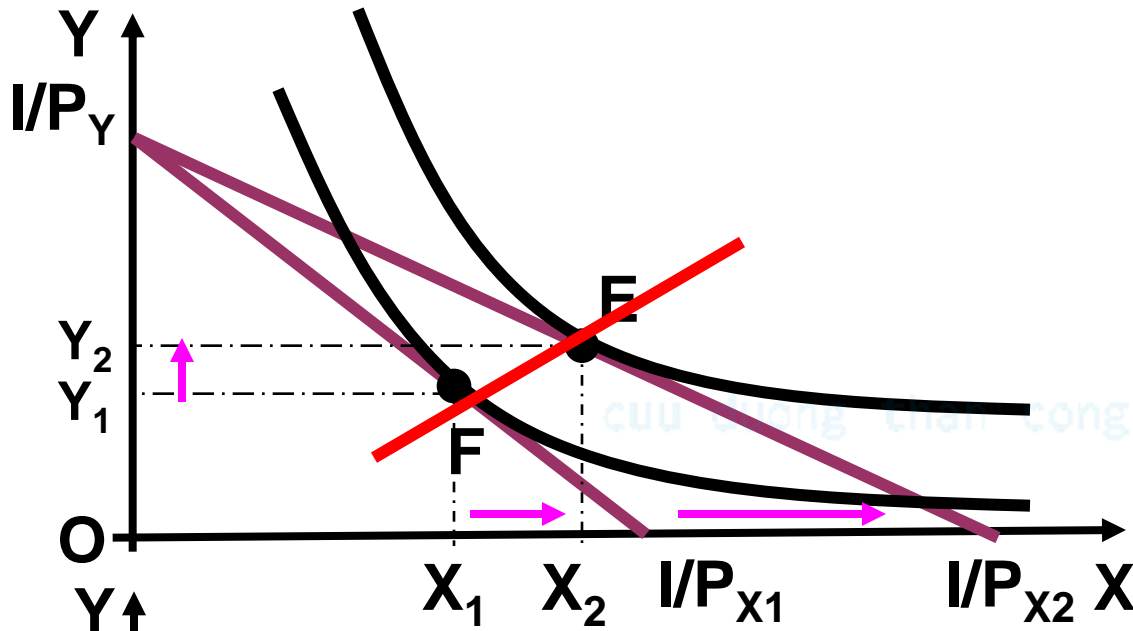
B₃: Đặt $AP_a = I_a = x_1$ và $BP_b = I_b = x_2$ là thị phần của A & B trong tổng chi tiêu $I \rightarrow$

$$X_1(1 + E_d) + X_2 E_{ab} = 0$$

f. Ảnh hưởng của thay đổi I đến đường (D) mở rộng vi mô II: Sang phải là hh bình thường, sang trái là hh thứ cấp.



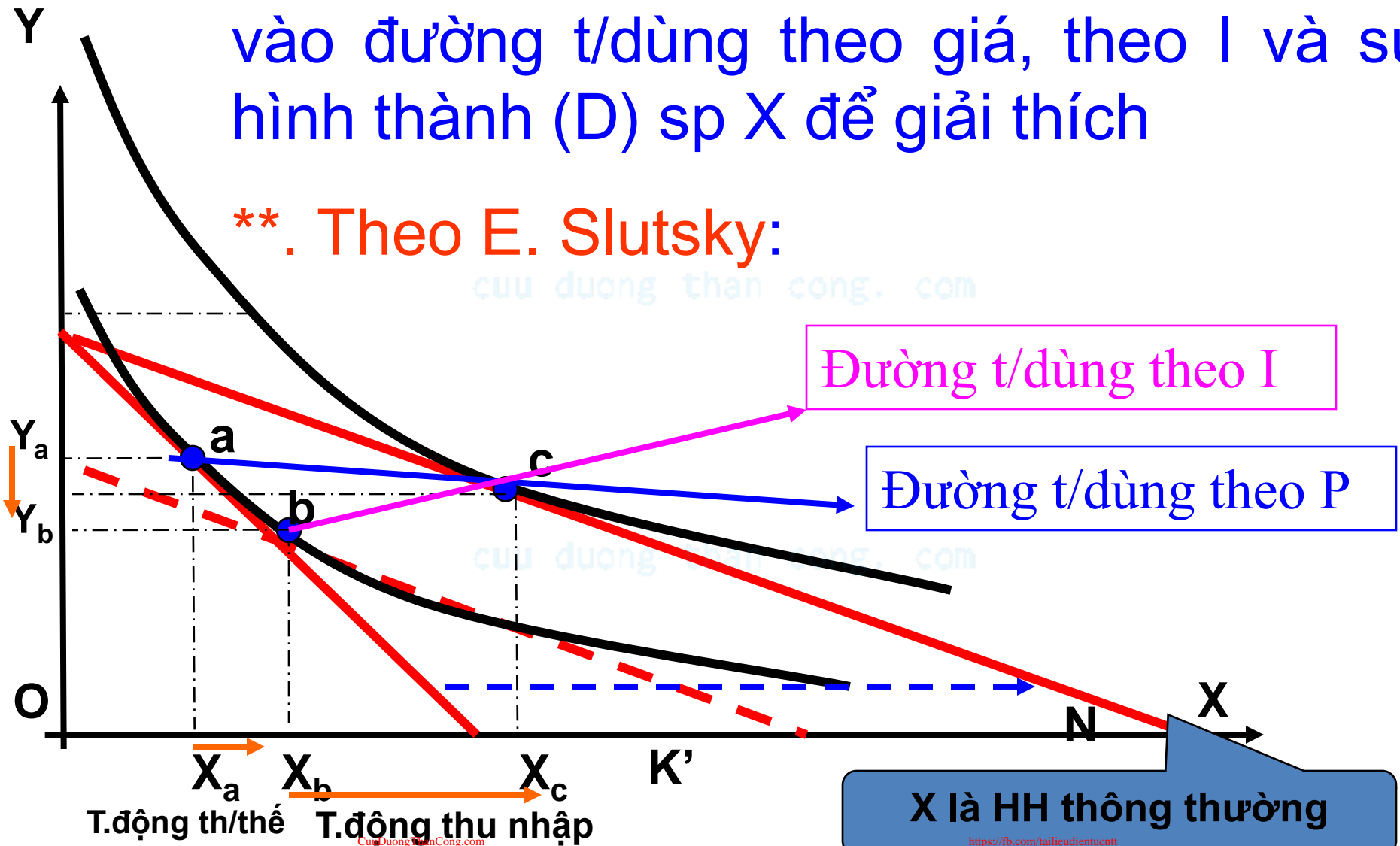
h. Ảnh hưởng của thay đổi P đến đường (D) mở rộng vi mô II: Phải là bổ sung, trái là t/thế



g. Ảnh hưởng thay thế và mở rộng vi mô II

*. **Theo J. Hicks:** giống Vi mô I nhưng dựa vào đường t/dùng theo giá, theo I và sự hình thành (D) sp X để giải thích

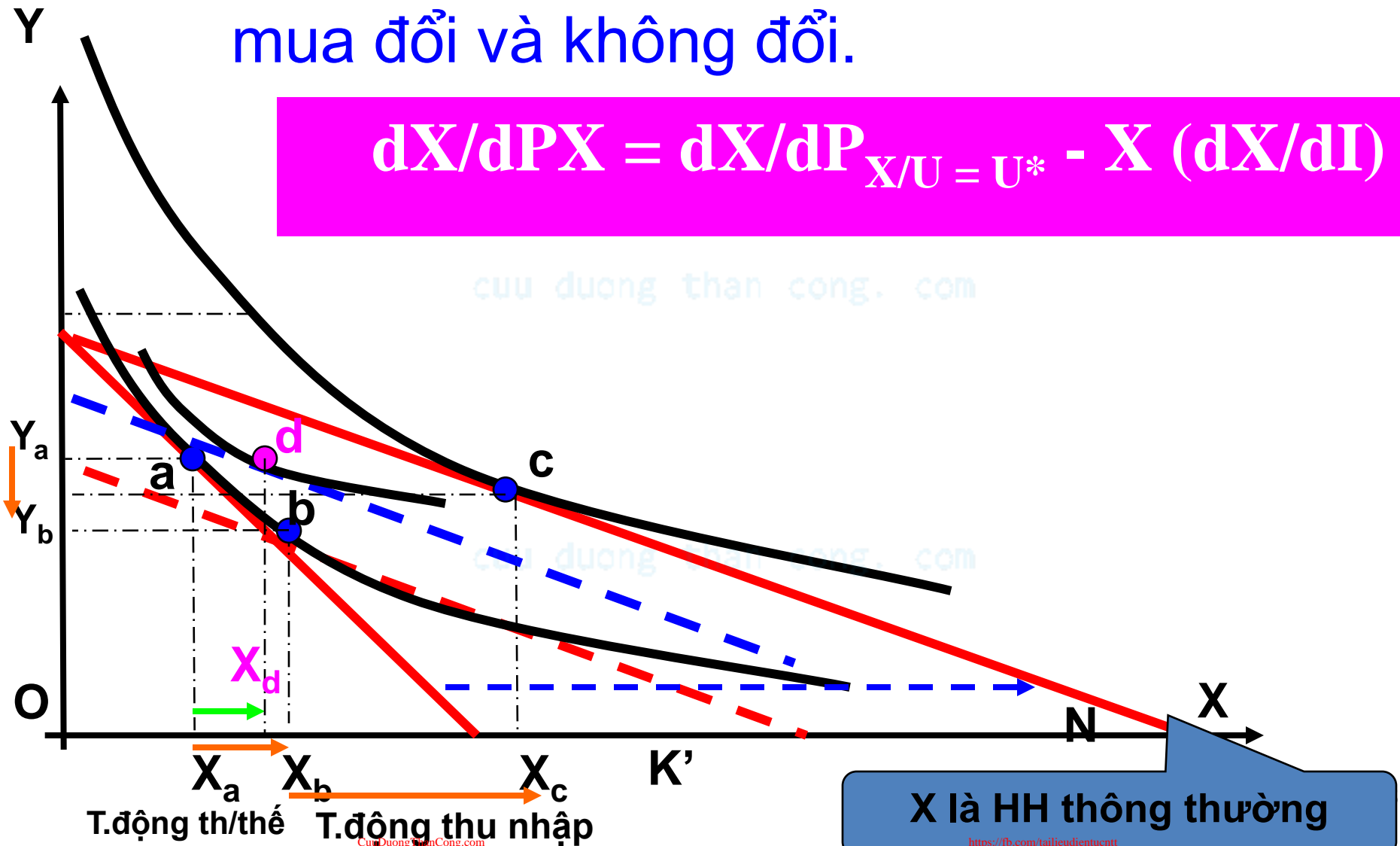
** . Theo E. Slutsky:



g. Ảnh hưởng thay thế và I mở rộng vi mô II

****.** Theo E. Slutsky: Đưa ra định về sức mua đổi và không đổi.

$$dX/dP_X = dX/dP_{X/U = U^*} - X (dX/dI)$$



- Sự thay đổi trong Qd sp X chịu 2 tác động:

+ Thay thế: $= (dX/dP_{X/U} = U^*)$

+ Thu nhập: $= (dX/dI)(dI/dP_X)$ trong đó (dI/dP_X) phản ánh sức mua không đổi phải tăng bao nhiêu thu nhập mang dấu âm là :

$dI/dP_X = -X$ vì NS: $I = XP_X + YP_Y$.

$dX/dP_X = dX/dP_{X/U} = U^* + (dX/dI)(dI/dP_X)$

$$dX/dP_X = dX/dP_{X/U} = U^* - X (dX/dI)$$

3. Các tiếp cận sở thích bộc lộ của Samuelson

a. Giả định: - NTD chi hết I - Tính nhất quán

- Với I và giá xác định NTD chỉ chọn 1 bó hh

- Tập hợp hh bộc lộ sở thích

b. Xác định đường cầu.

